

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày : 19 - 3 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Trọng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Nữ;

2. Ông Phan Quang Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân M, sinh năm: 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2023, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trần Xuân M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân M và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H. Quá trình sống chung, ông M và bà T thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa hai bên kéo dài nhiều năm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông M và bà T đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện nay ông M không còn tình cảm với bà T nữa. Do đó, ông Trần Xuân M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông Trần Xuân M và bà Nguyễn Thị T có với nhau 03 con chung gồm: Trần Thị Thảo N, sinh năm: 2003; Trần Thị Thảo V, sinh ngày: 30/8/2006 và Trần Minh M1, sinh ngày: 21/12/2009. Khi ly hôn, ông M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Thảo V và Trần Minh M1. Đối với Trần Thị Thảo N đã thành niên nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà T theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà T không tham gia tố tụng. Tiến hành xác minh tại Công an thị trấn T, huyện H, xác định: Bà T không đăng ký cư trú tại địa phương nhưng bà đang sinh sống tại nhà mẹ ruột của mình là bà Nguyễn Thị Minh P tại Khu phố B, thị trấn T. Như vậy, bà T được coi là từ bỏ quyền tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kê từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho ông Trần Xuân M được ly hôn với bà Nguyễn Thị T; giao các con chung Trần Thị Thảo V, sinh ngày 30/8/2006 và Trần Minh M1, sinh ngày 21/12/2009 cho ông Trần Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời quyết định án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trần Xuân M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T; yêu cầu Tòa án giao các con chung Trần Thị Thảo V, sinh ngày: 30/8/2006 và Trần Minh M1, sinh ngày: 21/12/2009 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con, do bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố B, thị trấn T, huyện H nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Xuân M và bị đơn bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt. Xét thấy, ông M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có

lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Xuân M và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 30/9/2003. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông M và bà T đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông M, bà T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân M về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Ông M yêu cầu ly hôn với bà T vì cho rằng cuộc sống của vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là do bà T đam mê bài bạc, ăn chơi mà không chăm lo cho con cái, bà T còn bán hết tài sản trong nhà để trả nợ. Ông M và bà T đã không sống chung với nhau từ năm 2019, nay ông không còn tình cảm với bà T nữa. Quá trình giải quyết vụ án, bà T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai của bà T để làm rõ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng ông M, bà T được. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 26/01/2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T về mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng của các đương sự thì giữa ông M và bà T có mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, ông M và bà T đã sống ly thân trong thời gian dài. Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định quan hệ vợ chồng giữa ông M, bà T có xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng sống ly thân nên các bên không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông M, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà T vẫn biết ông M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà nhưng bà vẫn không tham gia tố tụng chứng tỏ bà không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: Ông Trần Xuân M và bà Nguyễn Thị T có với nhau 03 con chung gồm: Trần Thị Thảo N, sinh năm: 2003; Trần Thị Thảo V, sinh ngày: 30/8/2006 và Trần Minh M1, sinh ngày: 21/12/2009. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu V và cháu M2 do ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo học hành. Tại Biên bản xác minh ngày 26/01/2024, cháu V và cháu M1 đều có nguyện vọng được sống cùng ông M sau khi vợ chồng ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi của cháu V và cháu M1, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu, cần giao các con chung Trần Thị Thảo V và Trần Minh M1 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Trần Xuân M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân M được ly hôn với bà Nguyễn Thị T;

2. Về con chung: Giao các con chung Trần Thị Thảo V, sinh ngày: 30/8/2006 và Trần Minh M1, sinh ngày: 21/12/2009 cho ông Trần Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ chung khác về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông M đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018050 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân. Ông Trần Xuân M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Tân Minh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hữu Trọng**